ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1452 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 10 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích khai thác hải sản trên các vùng biển xa (đợt 4/2013)

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 6872 Ngày: 08/10/13 Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TTLT-BNN-BQP-BTC ngày 11/4/2012 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quốc phòng - Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải trên các vùng biển xa; Quyết định số 39/2011/QĐ-TTg ngày 11/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định hồ sơ hỗ trợ ngư dân khai thác tại vùng biển xa tại Báo cáo số 21/BC-HĐTĐ ngày 20/9/2013 về kết quả thẩm định hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu, bảo hiểm thân tàu, thuyền viên, máy thông tin liên lạc HF cho ngư dân tham gia khai thác tại vùng biển xa đợt 4/2013; đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1642/TTr-SNN&PTNT ngày 20/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ (đợt 4/2013), với tổng kinh phí 17.869.176.000 đồng, từ nguồn kinh phí Trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Quảng Ngãi năm 2013, bao gồm:

a) Hỗ trợ nhiên liệu: 16.880.000.000 đồng, như Phụ lục số 1 kèm theo Quyết định này.

b) Hỗ trợ mua bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm thuyền viên: 121.176.000 đồng, như Phụ lục số 2 kèm theo Quyết định này.

c) Hỗ trợ chi phí mua máy thông tin liên lạc HF: 868.000.000 đồng, như Phụ lục số 3 kèm theo Quyết định này.

2. Phương thức cấp và lĩnh tiền: Thực hiện theo qui định tại các khoản 5 và 6, Điều 12, Thông tư Liên tịch số 16/2011/TTLT-BNN-BQP-BTC ngày 13/4/2012 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quốc phòng - Tài chính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chuyển kinh phí hỗ trợ nêu trên đến Kho bạc Nhà nước các huyện thông qua Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi để cấp phát cho ngư dân; chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ ngư dân cho Chính phủ và các Bộ,ngành Trung ương theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu, hồ sơ hỗ trợ, theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện hỗ trợ ngư dân, đảm bảo theo đúng quy định.

3. Kho bạc Nhà nước các huyện có liên quan công khai lịch cấp tiền hỗ trợ cho ngư dân trước khi thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ cho ngư dân; tổng hợp báo cáo kết quả cấp phát kinh phí hỗ trợ cho Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, UBND huyện sở tại; quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ cho ngư dân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Công an, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ; Chi cục trưởng Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước các huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ và các chủ tàu có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như Điều 4;
-TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
-CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
-VPUB: PVP(NL), KTTH, CB-TH;
-Lưu: VT, NN-TNndt394.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Cao Khoa

Phụ lục 1:

DANH SÁCH TÀU CÁ KHAI THÁC VÙNG BIỂN XA DƯỢC HỖ TRỢ NHIÊN LIỆU

(Kèm theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
	Huyện Lý Sơn				**2.273**
1	Đinh Văn Lực	An Hải - Lý Sơn	96435	Chuyến 3/2013	60
2	Lê Đầy	An Hải - Lý Sơn	96157	Chuyến 1, 2, 3/2013	135
3	Lê Khởi	An Hải - Lý Sơn	96697	Chuyến 1, 2/2013	120
4	Nguyễn Văn Tuấn	An Hải - Lý Sơn	96355	Chuyến 2/2013	45
5	Bùi Đại	An Hải - Lý Sơn	96679	Chuyến 1, 2/2013	90
6	Bùi Nam	An Hải - Lý Sơn	96562	Chuyến 1, 2, 3/2013	135
7	Dương Châu	An Hải - Lý Sơn	96059	Chuyến 1/2013	45
8	Dương Minh Lành	An Hải - Lý Sơn	96789	Chuyến 1, 2/2013	90
9	Dương Minh Trí	An Hải - Lý Sơn	96509	Chuyến 2/2013	45
10	Dương Oanh	An Hải - Lý Sơn	96589	Chuyến 2, 3/2013	90
11	Dương Quang Sơn	An Hải - Lý Sơn	96149	Chuyến 1, 2/2013	120
12	Dương Thanh Nhàng	An Hải - Lý Sơn	96048	Chuyến 3/2013	45
13	Huỳnh Thu	An Hải - Lý Sơn	96579	Chuyến 2/2013	60
14	Lê Phấn	An Hải - Lý Sơn	96459	Chuyến 1 2, 3/2013	135
15	Lê Tân	An Hải - Lý Sơn	96372	Chuyến 4/2013	60
16	Lê Văn Lộc	An Hải - Lý Sơn	96119	Chuyến 1/2013	45
17	Nguyễn Chín	An Hải - Lý Sơn	96399	Chuyến 1, 2/2013	90

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
18	Nguyễn Đại	An Hải - Lý Sơn	96461	Chuyến 3/2013	18
19	Nguyễn Năm	An Hải - Lý Sơn	96545	Chuyến 1, 2/2013	90
20	Nguyễn Ngữ	An Hải - Lý Sơn	96569	Chuyến 1, 2/2013	90
21	Nguyễn Văn Thinh	An Hải - Lý Sơn	96148	Chuyến 3/2013	45
22	Phạm Ngọc Tiếng	An Hải - Lý Sơn	96121	Chuyến 1, 2, 3/2013	180
23	Phạm Văn Bình	An Hải - Lý Sơn	96257	Chuyến 1/2013	45
24	Võ Nam	An Hải - Lý Sơn	96218	Chuyến 4/2013	45
25	Nguyễn Văn Đại	An Vĩnh - Lý Sơn	96571	Chuyến 2/2013	60
26	Nguyễn Văn Lộc	An Vĩnh - Lý Sơn	96307	Chuyến 4/2013	60
27	Nguyễn Thanh Hồng	An Vĩnh - Lý Sơn	96380	Chuyến 1, 2/2013	50
28	Võ Minh Vương	An Vĩnh - Lý Sơn	96787	Chuyến 1, 2, 3/2013	180
Huyện Bình Sơn					**5.988**
29	Bùi Tấn Sinh	Bình Chánh - Bình Sơn	95418	Chuyến 4/2013	60
30	Châu Bạt	Bình Chánh - Bình Sơn	90954	Chuyến 1/2013	60
31	Châu Minh Sơn	Bình Chánh - Bình Sơn	95339	Chuyến 3/2013	60
32	Đỗ Mai Tấn	Bình Chánh - Bình Sơn	95429	Chuyến 2/2013	60
33	Huỳnh Minh Dũng	Bình Chánh - Bình Sơn	95302	Chuyến 2/2013	60
34	Huỳnh Tấn Trung	Bình Chánh - Bình Sơn	95401	Chuyến 2/2013	60
35	Lê Hồng Hạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95490	Chuyến 3/2013	60
36	Lê Son	Bình Chánh - Bình Sơn	95357	Chuyến 2/2013	60
37	Mai Thành Văn	Bình Chánh - Bình Sơn	95870	Chuyến 3/2013	60
38	Ngô Thanh Phong	Bình Chánh - Bình Sơn	95753	Chuyến 1, 2/2013	120

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
39	Ngô Thanh Vinh	Bình Chánh - Bình Sơn	90918	Chuyến 3/2013	60
40	Ngô Văn Mẫu	Bình Chánh - Bình Sơn	95654	Chuyến 3/2013	60
41	Ngô Văn Mến	Bình Chánh - Bình Sơn	95708	Chuyến 2/2013	60
42	Nguyễn Dần	Bình Chánh - Bình Sơn	95696	Chuyến 1, 2, 3/2013	180
43	Nguyễn Đình Thường	Bình Chánh - Bình Sơn	95834	Chuyến 2, 3/2013	120
44	Nguyễn Đông	Bình Chánh - Bình Sơn	95906	Chuyến 2/2013	60
45	Nguyễn Đức Hà	Bình Chánh - Bình Sơn	95474	Chuyến 2/2013	60
46	Nguyễn Đức Thọ	Bình Chánh - Bình Sơn	95555	Chuyến 2/2013	45
47	Nguyễn Hồng Đương	Bình Chánh - Bình Sơn	95771	Chuyến 2/2013	60
48	Nguyễn Hữu Lộc	Bình Chánh - Bình Sơn	95499	Chuyến 3, 4/2013	120
49	Nguyễn Hữu Lộc	Bình Chánh - Bình Sơn	95524	Chuyến 4/2013	45
50	Nguyễn Hữu Ngọt	Bình Chánh - Bình Sơn	95069	Chuyến 4/2013	60
51	Nguyễn Hữu Ngọt	Bình Chánh - Bình Sơn	95294	Chuyến 4/2013	45
52	Nguyễn Mạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95744	Chuyến 2/2013	45
53	Nguyễn Minh	Bình Chánh - Bình Sơn	95454	Chuyến 3/2013	60
54	Nguyễn Minh	Bình Chánh - Bình Sơn	95618	Chuyến 3/2013	45
55	Nguyễn Quang Xuân	Bình Chánh - Bình Sơn	95924	Chuyến 2/2013	60
56	Nguyễn Tấn Cải	Bình Chánh - Bình Sơn	90431	Chuyến 2/2013	60
57	Nguyễn Tấn Điệp	Bình Chánh - Bình Sơn	90684	Chuyến 4/2013	60
58	Nguyễn Tấn Dũng	Bình Chánh - Bình Sơn	95852	Chuyến 2/2013	60
59	Nguyễn Tấn Lạc	Bình Chánh - Bình Sơn	95263	Chuyến 2/2013	60
60	Nguyễn Tấn Lạc	Bình Chánh - Bình Sơn	95663	Chuyến 2/2013	60

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
61	Nguyễn Thanh Vân	Bình Chánh - Bình Sơn	95528	Chuyến 2/2013	45
62	Nguyễn Thảo	Bình Chánh - Bình Sơn	90161	Chuyến 2/2013	60
63	Nguyễn Thị Ái Nữ	Bình Chánh - Bình Sơn	95960	Chuyến 2/2013	60
64	Nguyễn Thị Kim	Bình Chánh - Bình Sơn	90459	Chuyến 3/2013	60
65	Nguyễn Thùy	Bình Chánh - Bình Sơn	95409	Chuyến 3/2013	60
66	Nguyễn Văn Đức	Bình Chánh - Bình Sơn	95645	Chuyến 3/2013	60
67	Nguyễn Văn Hải	Bình Chánh - Bình Sơn	95902	Chuyến 2, 3/2013	120
68	Phạm Thế Hoang	Bình Chánh - Bình Sơn	95104	Chuyến 2/2013	60
69	Phạm Văn Hạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95979	Chuyến 3/2013	60
70	Trần Cầu	Bình Chánh - Bình Sơn	95889	Chuyến 2/2013	60
71	Trần Quận	Bình Chánh - Bình Sơn	95807	Chuyến 2/2013	60
72	Trần Tức	Bình Chánh - Bình Sơn	95122	Chuyến 2/2013	60
73	Trần Văn Dân	Bình Chánh - Bình Sơn	95267	Chuyến 1/2013	60
74	Trương Văn Tý	Bình Chánh - Bình Sơn	95320	Chuyến 3/2013	60
75	Võ Thanh Hùng	Bình Chánh - Bình Sơn	95591	Chuyến 1/2013	60
76	Nguyễn Tha	Bình Chánh - Bình Sơn	95492	Chuyến 3/2013	60
77	Bùi Ngọc Lành	Bình Châu - Bình Sơn	90289	Chuyến 4/2013	45
78	Đặng Dũng	Bình Châu - Bình Sơn	90352	Chuyến 1/2013	25
79	Dương Văn Nam	Bình Châu - Bình Sơn	90104	Chuyến 3/2013	25
80	Huỳnh Văn Khanh	Bình Châu - Bình Sơn	95001	Chuyến 2/2013	60
81	Ngô Văn Dũng	Bình Châu - Bình Sơn	90036	Chuyến 2, 3/2013	90
82	Nguyễn Cảm	Bình Châu - Bình Sơn	95021	Chuyến 3/2013	45

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
83	Nguyễn Chiến	Bình Châu - Bình Sơn	95219	Chuyến 2, 3/2013	120
84	Nguyễn Đức Hải	Bình Châu - Bình Sơn	90072	Chuyến 3/2013	45
85	Nguyễn Văn Leo	Bình Châu - Bình Sơn	95985	Chuyến 3, 4/2013	90
86	Nguyễn Văn Quang	Bình Châu - Bình Sơn	90205	Chuyến 1, 2/2013	120
87	Phạm Nhành	Bình Châu - Bình Sơn	95703	Chuyến 3, 4/2013	120
88	Trần Thế Anh	Bình Châu - Bình Sơn	90978	Chuyến 2, 3/2013	120
89	Trần Văn Vũ	Bình Châu - Bình Sơn	90206	Chuyến 2/2013	45
90	Võ Bá Nha	Bình Châu - Bình Sơn	90045	Chuyến 2/2013	60
91	Võ Hải	Bình Châu - Bình Sơn	95779	Chuyến 3/2013	45
92	Võ Hồng Thiên	Bình Châu - Bình Sơn	90379	Chuyến 3/2013	45
93	Võ Văn Tư	Bình Châu - Bình Sơn	90055	Chuyến 1/2013	25
94	Võ Văn Vũ	Bình Châu - Bình Sơn	90152	Chuyến 2/2013	45
95	Bùi Văn Tẩn	Bình Châu - Bình Sơn	95860	Chuyến 3/2013	45
96	Đặng Duy Bình	Bình Châu - Bình Sơn	90053	Chuyến 1, 2/2013	90
97	Dương Văn Rin	Bình Châu - Bình Sơn	90127	Chuyến 1/2013	60
98	Ngô Văn Bé	Bình Châu - Bình Sơn	90077	Chuyến 2/2013	45
99	Ngô Văn Sáu	Bình Châu - Bình Sơn	95617	Chuyến 3/2013	45
100	Nguyễn Chính	Bình Châu - Bình Sơn	95355	Chuyến 3/2013	25
101	Nguyễn Đại	Bình Châu - Bình Sơn	90207	Chuyến 2/2013	45
102	Nguyễn Hữu Quang	Bình Châu - Bình Sơn	90216	Chuyến 1/2013	45
103	Nguyễn Minh Nhựt	Bình Châu - Bình Sơn	90225	Chuyến 3/2013	60
104	Nguyễn Tấn Cu	Bình Châu - Bình Sơn	95806	Chuyến 3, 4/2013	90

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
105	Nguyễn Tấn Luận	Bình Châu - Bình Sơn	90847	Chuyến 1/2013	45
106	Nguyễn Tấn Tư	Bình Châu - Bình Sơn	90576	Chuyến 3/2013	45
107	Nguyễn Văn Bay	Bình Châu - Bình Sơn	90172	Chuyến 2, 3, 4/2013	180
108	Nguyễn Văn Tiến	Bình Châu - Bình Sơn	95642	Chuyến 3/2013	45
109	Phạm Minh	Bình Châu - Bình Sơn	90596	Chuyến 1/2013	45
110	Phạm Trung Kiên	Bình Châu - Bình Sơn	95193	Chuyến 3/2013	45
111	Phạm Văn Kiển	Bình Châu - Bình Sơn	95739	Chuyến 2/2013	25
112	Phạm Văn Mảng	Bình Châu - Bình Sơn	90909	Chuyến 2/2013	60
113	Tiêu Chánh	Bình Châu - Bình Sơn	90073	Chuyến 4/2013	60
114	Tiêu Viết Thường	Bình Châu - Bình Sơn	90037	Chuyến 2/2013	45
115	Trần Văn Dũng	Bình Châu - Bình Sơn	95129	Chuyến 1/2013	45
116	Trương Quang Thanh	Bình Châu - Bình Sơn	95996	Chuyến 3/2013	60
117	Trương Tày	Bình Châu - Bình Sơn	90678	Chuyến 2/2013	60
118	Trương Tày	Bình Châu - Bình Sơn	95337	Chuyến 1/2013	45
119	Trương Văn Đức	Bình Châu - Bình Sơn	95850	Chuyến 3, 4/2013	50
120	Võ Cu	Bình Châu - Bình Sơn	90019	Chuyến 3/2013	18
121	Võ Ngọt	Bình Châu - Bình Sơn	90027	Chuyến 2/2013	25
122	Võ Văn Thành	Bình Châu - Bình Sơn	90999	Chuyến 2/2013	25
123	Võ Văn Tưởng	Bình Châu - Bình Sơn	90307	Chuyến 3/2013	60
124	Nguyễn Văn Trưởng	Bình Phước - Bình Sơn	95563	Chuyến 3, 4/2013	90
125	Nguyễn Anh Dũng	Bình Thạnh - Bình Sơn	90269	Chuyến 1/2013	45
Huyện Mộ Đức					**180**
126	Nguyễn Nầy	Đức Lân - Mộ Đức	93089	Chuyến 1, 2, 3/2013	180

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
		Huyện Tư Nghĩa			**1.566**
127	Huỳnh Ngọc Đồ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92180	Chuyến 1/2013	45
128	Huỳnh Tấn Nghĩa	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97217	Chuyến 1, 2/2013	90
129	Huỳnh Văn Phao	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92890	Chuyến 2/2013	45
130	Lê Giúp	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97016	Chuyến 2/2013	25
131	Lê Hiểu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92828	Chuyến 1/2013	25
132	Lê Minh Anh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92698	Chuyến 3/2013	45
133	Lê Ngọc Thanh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92939	Chuyến 1/2013	25
134	Lê Quang Châu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92837	Chuyến 1/2013	45
135	Lê Quốc Đại	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92403	Chuyến 2/2013	25
136	Lê Tấn Giêng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92187	Chuyến 1/2013	25
137	Lê Tuấn Phạm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97069	Chuyến 2/2013	25
138	Lê Văn Minh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92549	Chuyến 2/2013	45
139	Lê Văn Thiệu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97067	Chuyến 1/2013	25
140	Lý Phụng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92324	Chuyến 1/2013	25
141	Nguyễn Ngọc Dự	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97110	Chuyến 2/2013	25
142	Nguyễn Văn Chim	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92246	Chuyến 1/2013	25
143	Nguyễn Văn Cu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92445	Chuyến 1/2013	45
144	Nguyễn Văn Thạch	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97051	Chuyến 1/2013	45
145	Phạm Ngọc Phương	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97826	Chuyến 2/2013	45
146	Phạm Tấn Hòa	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97735	Chuyến 1, 2/2013	90
147	Phạm Thanh Quang	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92323	Chuyến 2/2013	25

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
148	Trần Bê	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92366	Chuyến 1/2013	45
149	Trần Cờ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92706	Chuyến 2/2013	45
150	Trần Lức	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97174	Chuyến 2/2013	25
151	Trần Ngọc Thanh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92541	Chuyến 3/2013	18
152	Trần Tấn Thi	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92511	Chuyến 3/2013	45
153	Trần Thanh Trí	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92639	Chuyến 1/2013	45
154	Trần Văn Búp	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92882	Chuyến 2/2013	25
155	Trịnh Văn Bèo	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92219	Chuyến 1/2013	25
156	Trương Công Anh Xin	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97614	Chuyến 1/2013	45
157	Trương Tấn	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92346	Chuyến 1/2013	45
158	Võ Lai Em	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92687	Chuyến 1/2013	45
159	Huỳnh Tấn Văn	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97636	Chuyến 4/2013	25
160	Lê Nô	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92602	Chuyến 2/2013	45
161	Lê Văn Lô	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92437	Chuyến 1/2013	25
162	Ngô Đình Cường	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97323	Chuyến 3/2013	25
163	Nguyễn Văn Mình	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92598	Chuyến 1/2013	45
164	Phạm Văn Phà	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92463	Chuyến 1/2013	45
165	Trần Thương	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97401	Chuyến 1/2013	25
166	Trần Văn Hương	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92087	Chuyến 1/2013	18
167	Lâm Ngọc Tân	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92320	Chuyến 3/2013	45
168	Lê Thắng Công	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97522	Chuyến 3/2013	45

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
		Huyện Đức Phổ			**6.873**
169	Bùi Công Cày	Phổ An - Đức Phổ	94698	Chuyến 1, 2/2013	120
170	Bùi Tèo	Phổ An - Đức Phổ	98074	Chuyến 1/2013	60
171	Nguyễn Bá Sanh	Phổ An - Đức Phổ	94159	Chuyến 1, 2/2013	120
172	Nguyễn Đình Bê	Phổ An - Đức Phổ	98955	Chuyến 2/2013	60
173	Nguyễn Đình Quang	Phổ An - Đức Phổ	98057	Chuyến 1, 2/2013	120
174	Nguyễn Hữu Nhị	Phổ An - Đức Phổ	94549	Chuyến 2/2013	25
175	Nguyễn Ngọc Hùng	Phổ An - Đức Phổ	98048	Chuyến 3/2013	45
176	Nguyễn Ngọc Nga	Phổ An - Đức Phổ	98588	Chuyến 3/2013	45
177	Nguyễn Thị Lượng	Phổ An - Đức Phổ	94878	Chuyến 4/2013	60
178	Nguyễn Tuấn	Phổ An - Đức Phổ	98746	Chuyến 2/2013	60
179	Nguyễn Văn Hừng	Phổ An - Đức Phổ	94772	Chuyến 1, 2/2013	120
180	Nguyễn Văn Tức	Phổ An - Đức Phổ	98785	Chuyến 3/2013	45
181	Tô Thị Hà	Phổ An - Đức Phổ	94567	Chuyến 3/2013	60
182	Bùi Mông	Phổ An - Đức Phổ	98676	Chuyến 3/2013	60
183	Châu Hùng Binh	Phổ An - Đức Phổ	98818	Chuyến 2/2013	60
184	Nguyễn Đình Bê	Phổ An - Đức Phổ	94787	Chuyến 3/2013	60
185	Phạm Hùng	Phổ An - Đức Phổ	94899	Chuyến 2, 3, 4/2013	180
186	Đặng Văn Sau	Phổ Châu - Đức Phổ	94544	Chuyến 1, 2/2013	90
187	Đặng Văn Siêng	Phổ Châu - Đức Phổ	94934	Chuyến 4/2013	45
188	Huỳnh Đa	Phổ Châu - Đức Phổ	94305	Chuyến 3/2013	45
189	Lê Diệu	Phổ Châu - Đức Phổ	94010	Chuyến 4/2013	45

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
190	Lê Tới	Phổ Châu - Đức Phổ	94617	Chuyến 4/2013	60
191	Lê Văn Sen	Phổ Châu - Đức Phổ	98519	Chuyến 1, 2/2013	120
192	Lê Văn Sen	Phổ Châu - Đức Phổ	94277	Chuyến 3, 4/2013	120
193	Mai Xuân Thuỷ	Phổ Châu - Đức Phổ	94407	Chuyến 3, 4/2013	90
194	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94103	Chuyến 2/2013	45
195	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94175	Chuyến 4/2013	45
196	Mai Xuân Thuỷ	Phổ Châu - Đức Phổ	94669	Chuyến 3/2013	45
197	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94389	Chuyến 4/2013	45
198	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94768	Chuyến 4/2013	45
199	Mai Xuân Trang	Phổ Châu - Đức Phổ	94437	Chuyến 3/2013	45
200	Lê Văn Pháp	Phổ Châu - Đức Phổ	98958	Chuyến 3/2013	45
201	Đồng Tấn Mai	Phổ Quang - Đức Phổ	94609	Chuyến 4/2013	60
202	Đồng Tui	Phổ Quang - Đức Phổ	98083	Chuyến 3/2013	60
203	Huỳnh Hộp	Phổ Quang - Đức Phổ	98459	Chuyến 4/2013	25
204	Huỳnh Minh Ơn	Phổ Quang - Đức Phổ	98159	Chuyến 2, 3, 4/2013	135
205	Huỳnh Muộn	Phổ Quang - Đức Phổ	98388	Chuyến 2, 3/2013	120
206	Huỳnh Phẩm	Phổ Quang - Đức Phổ	94207	Chuyến 1, 2/2013	90
207	Huỳnh Tấn Phê	Phổ Quang - Đức Phổ	94526	Chuyến 3/2013	60
208	Lê Thị Cảnh	Phổ Quang - Đức Phổ	98587	Chuyến 3/2013	60
209	Nguỵ Bon	Phổ Quang - Đức Phổ	98948	Chuyến 1, 2/2013	50
210	Nguyễn An	Phổ Quang - Đức Phổ	98884	Chuyến 3, 4/2013	120
211	Nguyễn An	Phổ Quang - Đức Phổ	98064	Chuyến 3/2013	60

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
212	Nguyễn Đến	Phổ Quang - Đức Phổ	98758	Chuyến 3/2013	45
213	Nguyễn Hương	Phổ Quang - Đức Phổ	98379	Chuyến 3/2013	60
214	Nguyễn Minh	Phổ Quang - Đức Phổ	98597	Chuyến 4/2013	45
215	Nguyễn Thanh Long	Phổ Quang - Đức Phổ	98469	Chuyến 3/2013	60
216	Nguyễn Thị Khanh	Phổ Quang - Đức Phổ	98739	Chuyến 3/2013	45
217	Nguyễn Thừa	Phổ Quang - Đức Phổ	98868	Chuyến 1/2013	60
218	Nguyễn Văn Ân	Phổ Quang - Đức Phổ	98997	Chuyến 4/2013	60
219	Nguyễn Xá	Phổ Quang - Đức Phổ	98056	Chuyến 4/2013	60
220	Phạm Đức	Phổ Quang - Đức Phổ	94456	Chuyến 1, 2, 3/2013	135
221	Phạm Ngọc Nam	Phổ Quang - Đức Phổ	98627	Chuyến 1/2013	25
222	Phạm Tiến	Phổ Quang - Đức Phổ	94684	Chuyến 3, 4/2013	50
223	Phạm Tuân	Phổ Quang - Đức Phổ	94445	Chuyến 1, 2/2013	50
224	Phan Cu	Phổ Quang - Đức Phổ	98052	Chuyến 1, 2/2013	120
225	Trần Bảnh	Phổ Quang - Đức Phổ	98416	Chuyến 4/2013	45
226	Trần Cu	Phổ Quang - Đức Phổ	94173	Chuyến 4/2013	60
227	Trần Dán	Phổ Quang - Đức Phổ	98289	Chuyến 1, 2/2013	90
228	Trần Đấu	Phổ Quang - Đức Phổ	94227	Chuyến 1, 2/2013	120
229	Trần Đức	Phổ Quang - Đức Phổ	98614	Chuyến 3/2013	60
230	Trần Đức	Phổ Quang - Đức Phổ	98709	Chuyến 4/2013	45
231	Trần Lan	Phổ Quang - Đức Phổ	98362	Chuyến 3/2013	60
232	Trần Minh Tâm	Phổ Quang - Đức Phổ	98389	Chuyến 1, 2/2013	120
233	Trần Thị Kim Cúc	Phổ Quang - Đức Phổ	94129	Chuyến 2/2013	60

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
234	Võ Hẳn	Phổ Quang - Đức Phổ	98091	Chuyến 4/2013	45
235	Võ Văn Tạo	Phổ Quang - Đức Phổ	94428	Chuyến 3/2013	45
236	Đặng Cận	Phổ Quang - Đức Phổ	98793	Chuyến 2, 3, 4/2013	180
237	Huỳnh By	Phổ Quang - Đức Phổ	94429	Chuyến 4/2013	60
238	Huỳnh Phổ	Phổ Quang - Đức Phổ	94383	Chuyến 3/2013	60
239	Ngô Văn Cường	Phổ Quang - Đức Phổ	98249	Chuyến 3, 4/2013	90
240	Nguyễn Chín	Phổ Quang - Đức Phổ	98318	Chuyến 3, 4/2013	120
241	Nguyễn Thành Sơn	Phổ Quang - Đức Phổ	98973	Chuyến 2/2013, DB	45
242	Phan Tấn Triều	Phổ Quang - Đức Phổ	98387	Chuyến 4/2013	45
243	Trần Bay	Phổ Quang - Đức Phổ	98759	Chuyến 1/2013	18
244	Trần Cư Oanh	Phổ Quang - Đức Phổ	94877	Chuyến 1/2013	60
245	Trần Lượng	Phổ Quang - Đức Phổ	98674	Chuyến 1/2013	45
246	Trần Trung Quốc	Phổ Quang - Đức Phổ	94978	Chuyến 3/2013	45
247	Trần Xây	Phổ Quang - Đức Phổ	94541	Chuyến 4/2013	60
248	Võ Long	Phổ Quang - Đức Phổ	98137	Chuyến 4/2013	60
249	Nguyễn Hương	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98239	Chuyến 1/2013	60
250	Nguyễn Hương	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94741	Chuyến 4/2013	45
251	Nguyễn Mới	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94394	Chuyến 4/2013	60
252	Nguyễn Nghĩa	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94512	Chuyến 3/2013	45
253	Nguyễn Tám	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94624	Chuyến 2, 3/2013	90
254	Nguyễn Tư	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98450	Chuyến 4/2013	45
255	Phạm Ngọc Trụ	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94590	Chuyến 1/2013	60

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg...TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
256	Trần Cu Anh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98282	Chuyến 2/2013	45
257	Võ Ra Đô	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98885	Chuyến 2, 3/2013	120
258	Nguyễn Minh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98747	Chuyến 2/2013	45
259	Nguyễn Tám	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94646	Chuyến 2/2013	45
260	Võ Đông Xuân	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94076	Chuyến 3/2013	60
261	Huỳnh Kính	Phổ Vinh - Đức Phổ	98505	Chuyến 2/2013	45
262	Huỳnh Toàn	Phổ Vinh - Đức Phổ	98804	Chuyến 3/2013	25
263	Huỳnh Văn Tiến	Phổ Vinh - Đức Phổ	98234	Chuyến 3, 4/2013	90
264	Huỳnh Văn Trụ	Phổ Vinh - Đức Phổ	94805	Chuyến 1/2013	45
265	Lê Văn Phường	Phổ Vinh - Đức Phổ	94285	Chuyến 3/2013	45
266	Ngô Thơ	Phổ Vinh - Đức Phổ	94726	Chuyến 3/2013	45
267	Nguyễn Hữu Lộc	Phổ Vinh - Đức Phổ	98506	Chuyến 3/2013	45
268	Nguyễn Ngọc Của	Phổ Vinh - Đức Phổ	94798	Chuyến 2, 3/2013	90
269	Nguyễn Thạt	Phổ Vinh - Đức Phổ	98735	Chuyến 1/2013	45
270	Nguyễn Thi	Phổ Vinh - Đức Phổ	98921	Chuyến 2/2013	25
271	Phạm Đậu	Phổ Vinh - Đức Phổ	98679	Chuyến 1/2013	25
272	Võ Văn Truyền	Phổ Vinh - Đức Phổ	94670	Chuyến 3/2013	60
273	Huỳnh Tấn Vỹ	Phổ Vinh - Đức Phổ	98938	Chuyến 4/2013	45
Tổng cộng					**16.880**

Bằng chữ: Mười sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng

Phụ lục 2:

DANH SÁCH TÀU CÁ THAM GIA KHAI THÁC VÙNG BIỂN XA ĐƯỢC HỖ TRỢ BẢO HIỂM

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ngàn đồng

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg ...TS	Tổng tiền hỗ trợ		
				Bảo hiểm thân tàu	Bảo hiểm thuyền viên	Tổng cộng
Huyện Lý Sơn				**2.994**	**1.000**	**3.994**
1	Nguyễn Văn Lộc	An Vĩnh - Lý Sơn	96307	2.994	1.000	3.994
Huyện Bình Sơn				**18.733**	**13.846**	**32.579**
2	Ngô Thanh Vinh	Bình Chánh - Bình Sơn	90918	2.200	6.080	8.280
3	Nguyễn Tấn Dũng	Bình Chánh - Bình Sơn	95852	2.742	4.640	7.382
4	Đặng Dũng	Bình Châu - Bình Sơn	90352	2.833	1.011	3.844
5	Nguyễn Văn Quang	Bình Châu - Bình Sơn	90205	2.178		2.178
6	Trần Thế Anh	Bình Châu - Bình Sơn	90978	5.700		5.700
7	Nguyễn Tấn Cu	Bình Châu - Bình Sơn	95806		1.415	1.415
8	Phạm Trung Kiên	Bình Châu - Bình Sơn	95193	3.080	700	3.780
Huyện Tư Nghĩa				**7.502**	**1.799**	**9.301**
9	Lê Minh Anh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92698	2.310		2.310
10	Lê Quốc Đại	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92403		609	609
11	Trần Bê	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92366	5.192	700	5.892
12	Ngô Đình Cường	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97323		490	490

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg ...TS	Tổng tiền hỗ trợ		
				Bảo hiểm thân tàu	Bảo hiểm thuyền viên	Tổng cộng
Huyện Đức Phổ				**67.059**	**8.243**	**75.302**
13	Huỳnh Đa	Phổ Châu - Đức Phổ	94305	6.666	990	7.656
14	Mai Xuân Thuỷ	Phổ Châu - Đức Phổ	94669	5.995		5.995
15	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94768	5.378		5.378
16	Nguyễn An	Phổ Quang - Đức Phổ	98884		1.044	1.044
17	Huỳnh Phổ	Phổ Quang - Đức Phổ	94383		870	870
18	Ngô Văn Cường	Phổ Quang - Đức Phổ	98249		783	783
19	Nguyễn Hương	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98239	8.085		8.085
20	Nguyễn Hương	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94741	5.723	1.452	7.175
21	Nguyễn Nghĩa	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94512	7.326		7.326
22	Trần Văn Bê	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98771	4.829	1.364	6.193
23	Nguyễn Tám	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94646	7.508		7.508
24	Nguyễn Hữu Lộc	Phổ Vinh - Đức Phổ	98506	6.849		6.849
25	Võ Văn Truyền	Phổ Vinh - Đức Phổ	94670	8.700	1.044	9.744
26	Huỳnh Tấn Vỹ	Phổ Vinh - Đức Phổ	98938		696	696
Tổng cộng				**96.288**	**24.888**	**121.176**

Bằng chữ: Một trăm hai mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng

Phụ lục 3:

DANH SÁCH TÀU CÁ THAM GIA KHAI THÁC VÙNG BIỂN XA ĐƯỢC HỖ TRỢ MÁY HF

(Kèm theo Quyết định số 1452 /QĐ-UBND ngày 07 /10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	Thường trú	Số ĐK QNg...TS	Tiền hỗ trợ
Huyện Lý Sơn				**28**
1	Nguyễn Thanh Hồng	An Vĩnh - Lý Sơn	96380	28
Huyện Bình Sơn				**196**
2	Đặng Dũng	Bình Châu - Bình Sơn	90352	28
3	Nguyễn Đức Hải	Bình Châu - Bình Sơn	90072	28
4	Nguyễn Văn Quang	Bình Châu - Bình Sơn	90205	28
5	Trần Năm	Bình Châu - Bình Sơn	95004	28
6	Nguyễn Hữu Quang	Bình Châu - Bình Sơn	90216	28
7	Phạm Minh	Bình Châu - Bình Sơn	90596	28
8	Tiêu Viết Hồng	Bình Châu - Bình Sơn	90181	28
Huyện Tư Nghĩa				**280**
9	Lê Thắng Bức	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97268	28
10	Phạm Anh Vũ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92039	28
11	Huỳnh Ngọc Đồ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92180	28
12	Lê Hiểu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92828	28
13	Lê Tuấn Phạm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97069	28
14	Lê Văn Minh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92549	28

TT	Họ và tên	Thường trú	Số ĐK QNg...TS	Tiền hỗ trợ
15	Phạm Tấn Hòa	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97735	28
16	Trần Bê	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92366	28
17	Nguyễn Văn Mình	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92598	28
18	Lê Thắng Công	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97522	28
Huyện Đức Phổ				**364**
19	Huỳnh Phẩm	Phổ Quang - Đức Phổ	94207	28
20	Phạm Ngọc Nam	Phổ Quang - Đức Phổ	98627	28
21	Phan Cu	Phổ Quang - Đức Phổ	98052	28
22	Trần Cư Oanh	Phổ Quang - Đức Phổ	94877	28
23	Trần Lượng	Phổ Quang - Đức Phổ	98674	28
24	Nguyễn Hương	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98239	28
25	Nguyễn Nghĩa	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94512	28
26	Phạm Ngọc Trụ	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94590	28
27	Huỳnh Kính	Phổ Vinh - Đức Phổ	98505	28
28	Huỳnh Văn Trụ	Phổ Vinh - Đức Phổ	94805	28
29	Nguyễn Thi	Phổ Vinh - Đức Phổ	98921	28
30	Phạm Đậu	Phổ Vinh - Đức Phổ	98679	28
31	Võ Văn Truyền	Phổ Vinh - Đức Phổ	94670	28
Tổng cộng				**868**

Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi tám triệu đồng